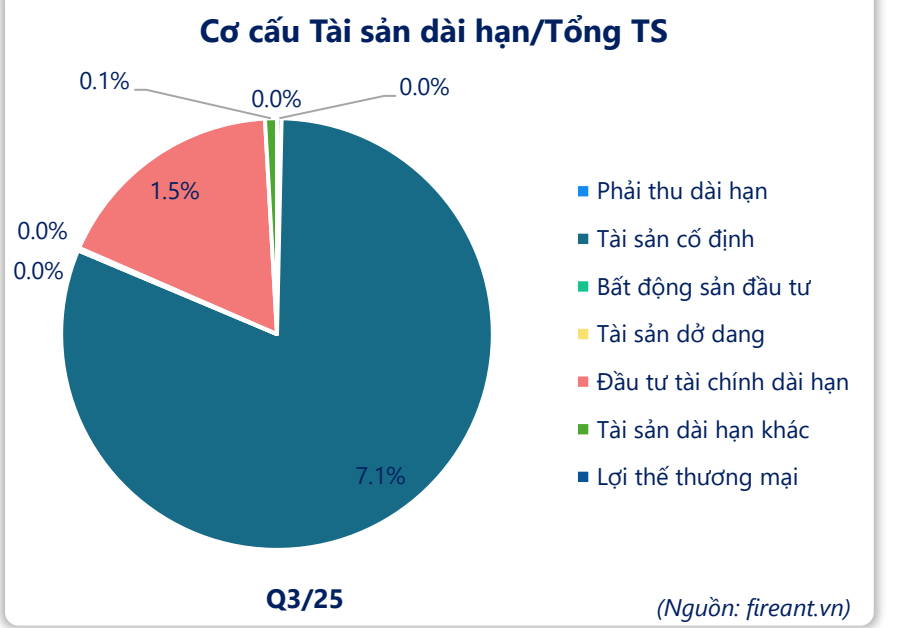
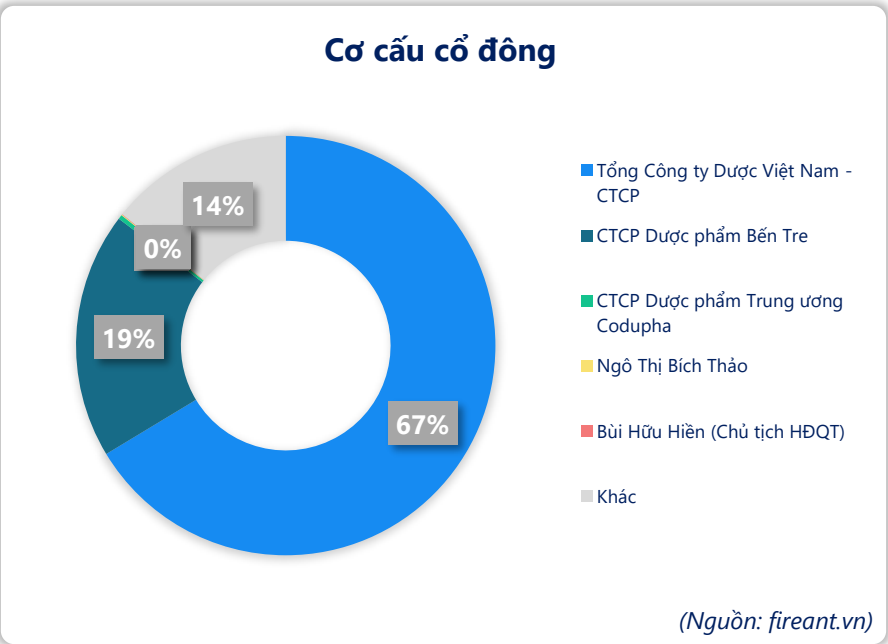
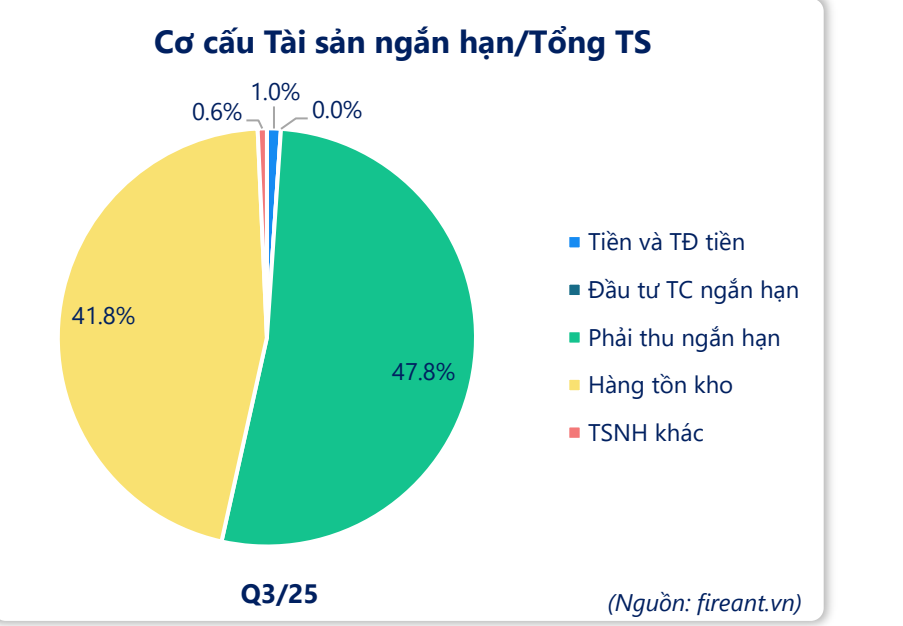
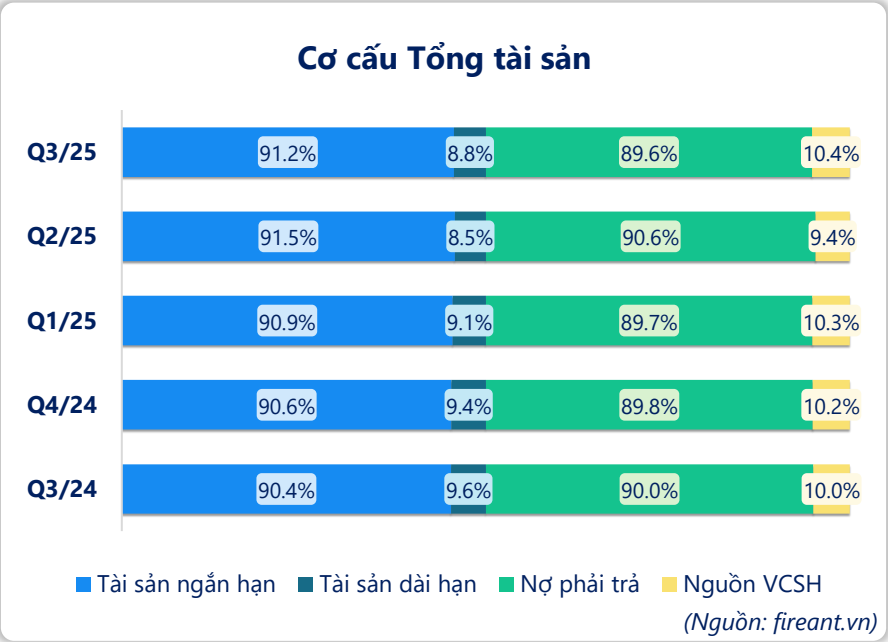
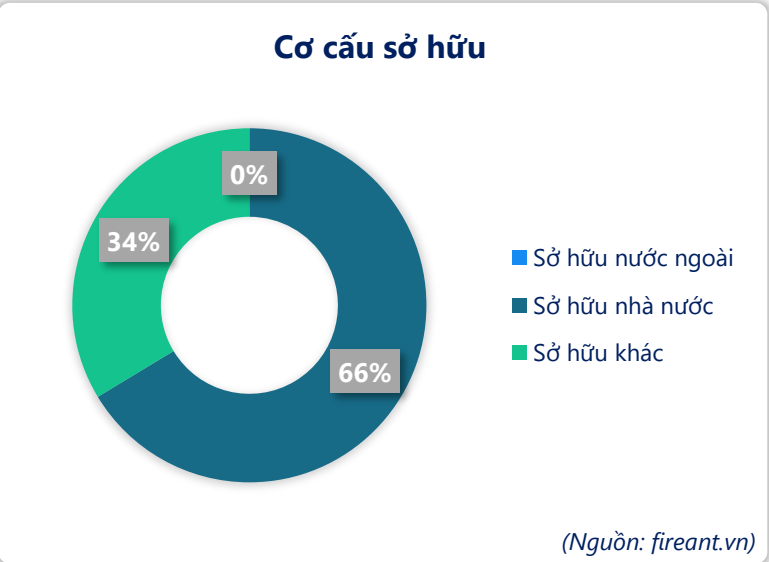
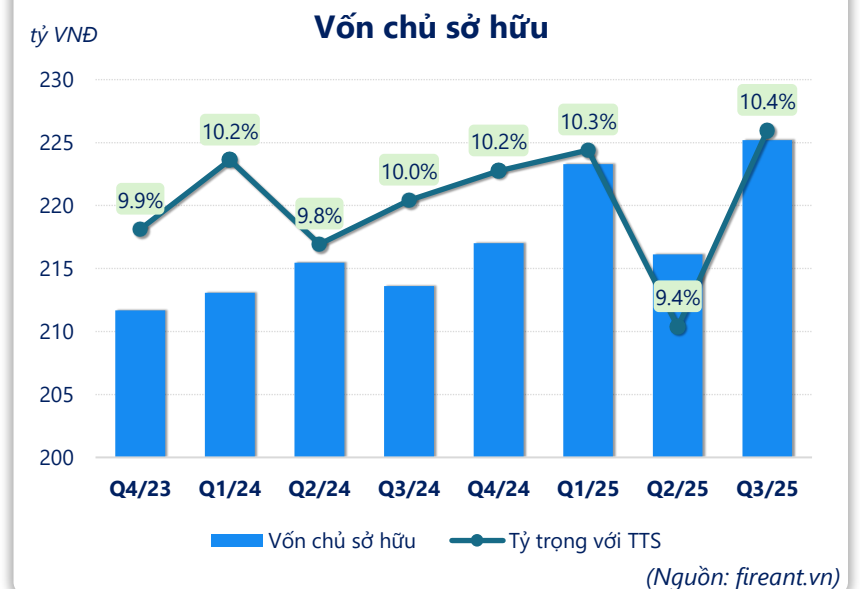
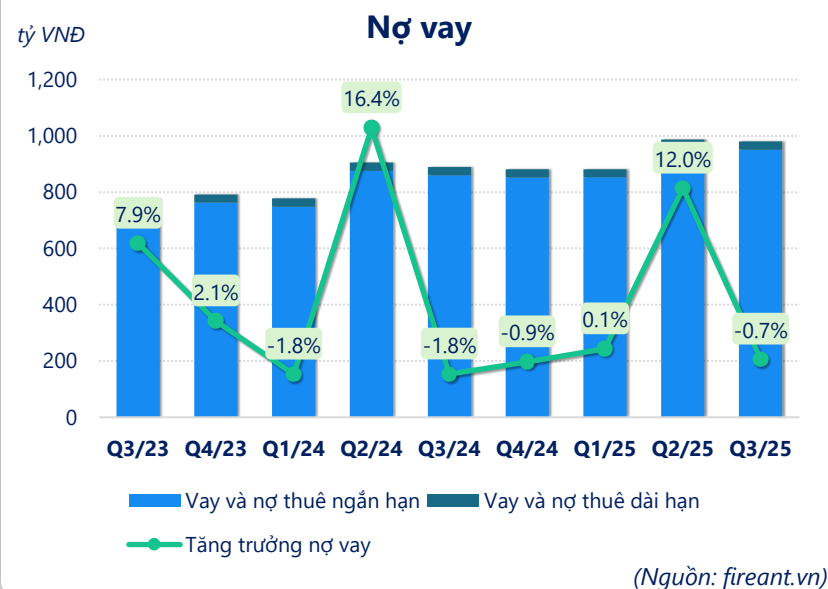
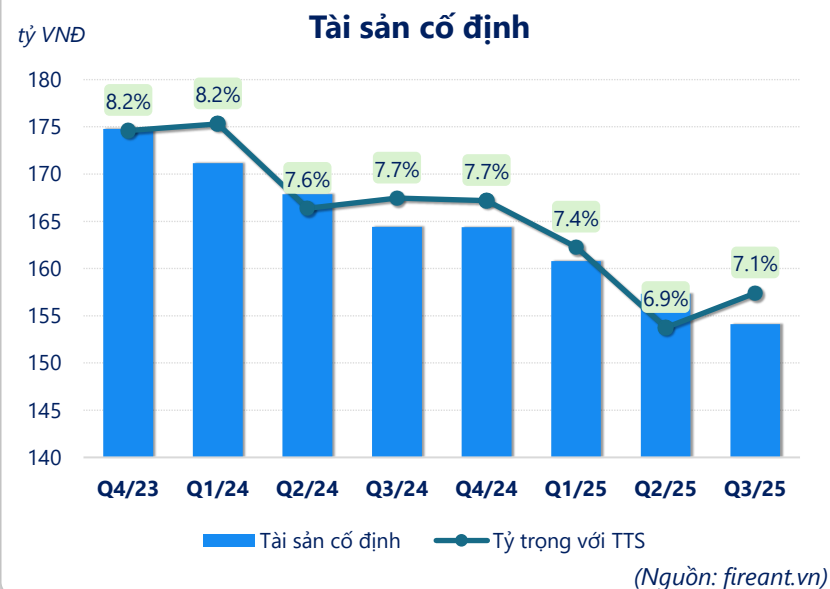
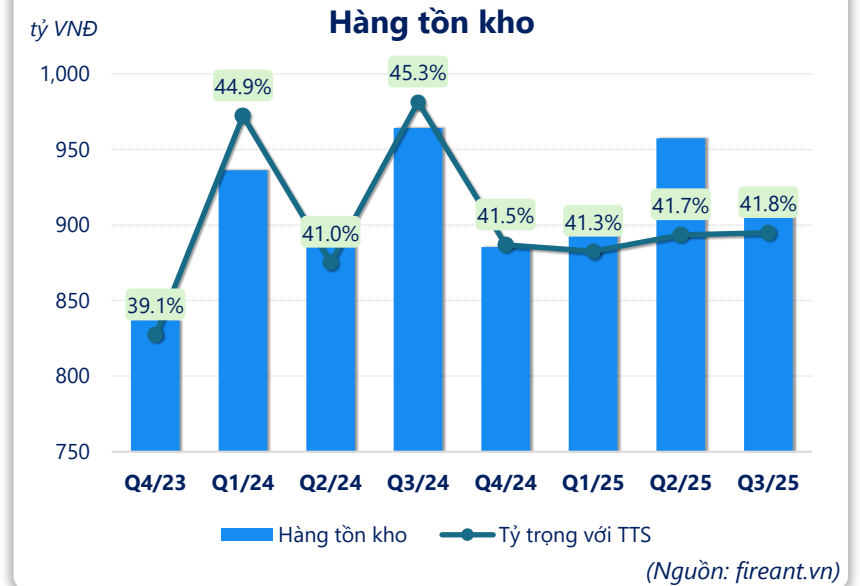
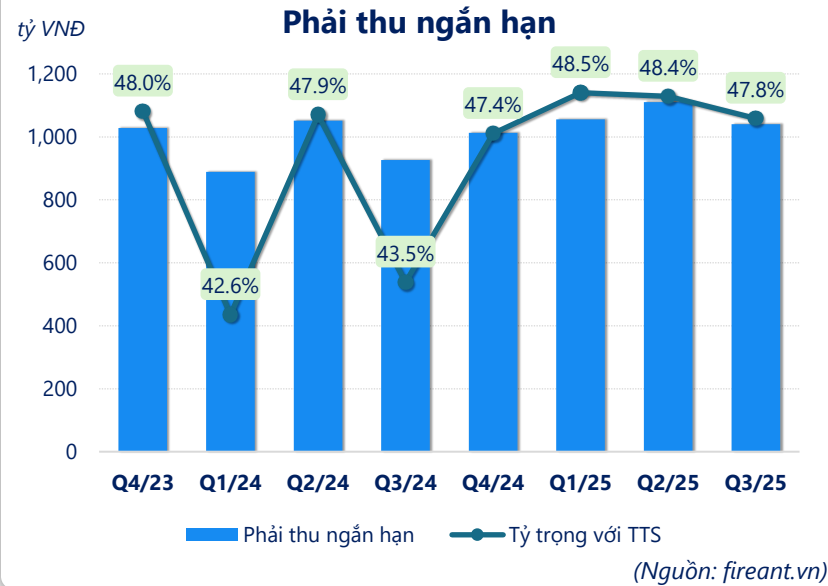
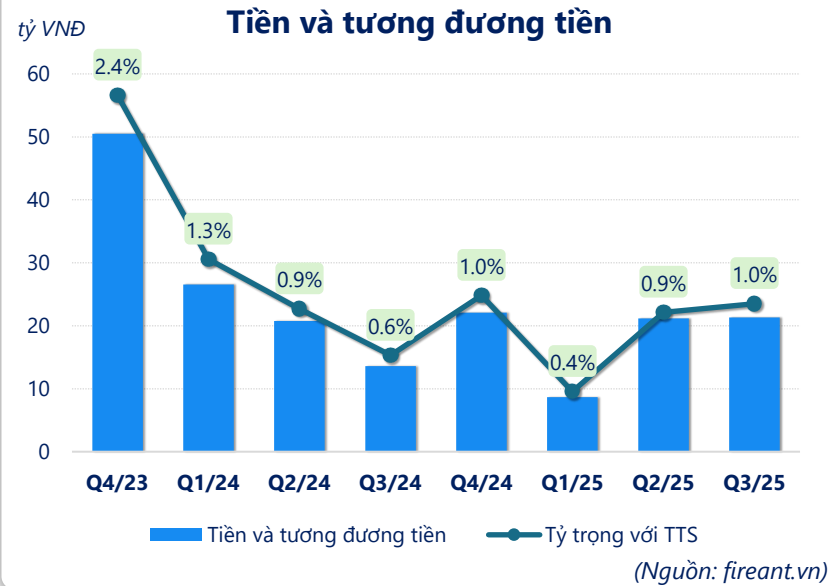
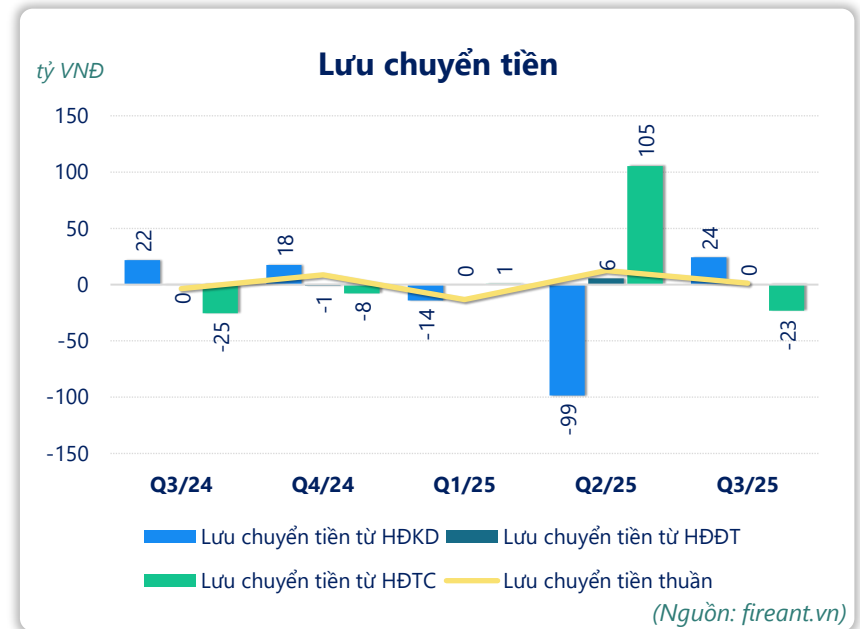
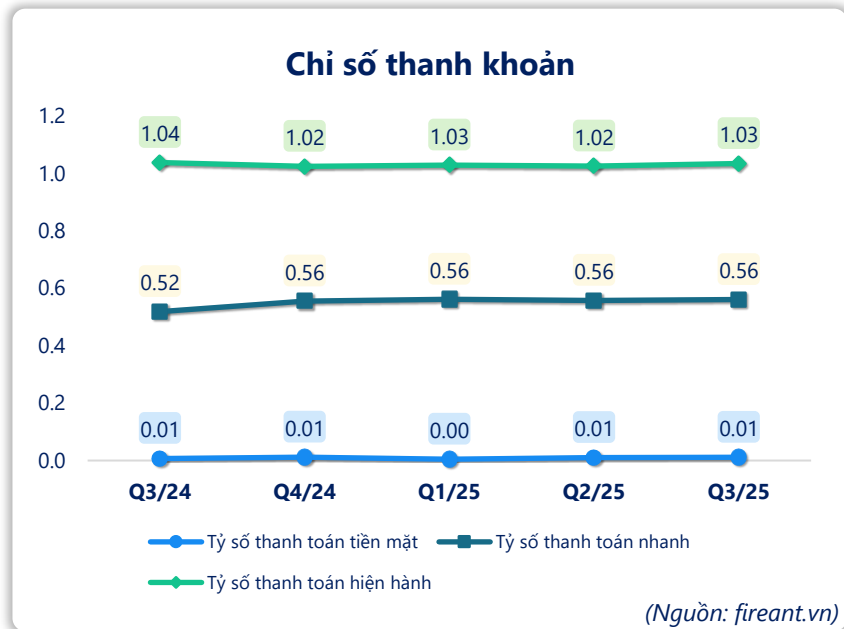
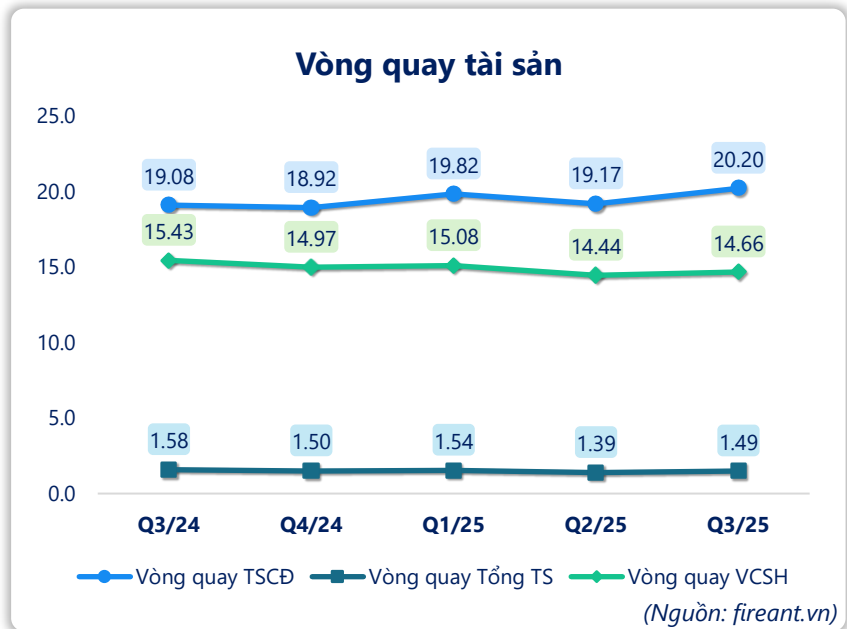
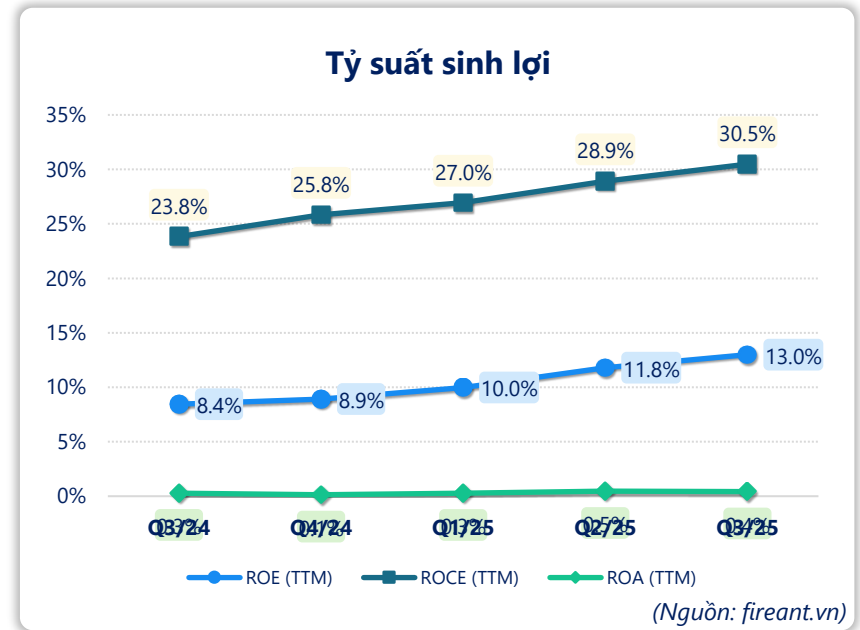
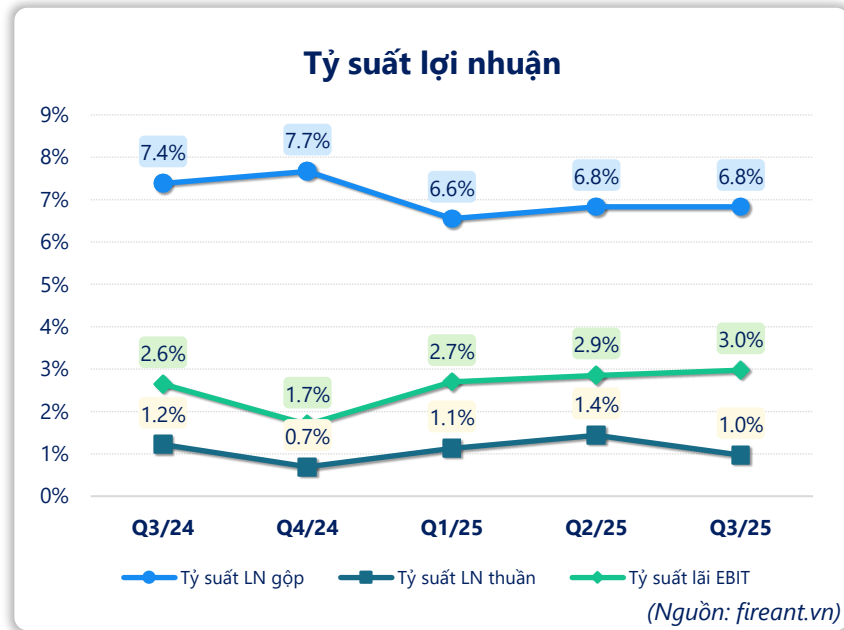
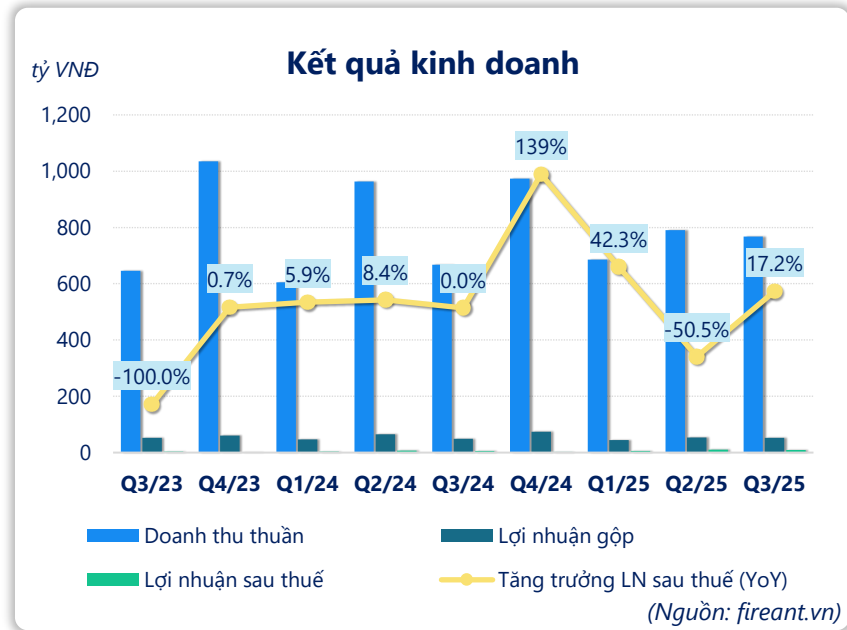


Thông tin giao dịch		30/09/2025
Giá hiện tại (VNĐ)		9,800
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)		10,568
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)		8,730
SL cổ phiếu LH		18,208,800
KLGD BQ 20 phiên (CP)		5,065
% sở hữu nước ngoài		0.0%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)		
Vốn hóa (tỷ VNĐ)		178
P/E		6.3
EPS		1,565

	YTD	1T	3T	6T
CDP	5.6%	1.0%	-1.0%	-1.3%
VNINDEX	30.9%	-1.2%	20.2%	26.1%







CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/9/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	2,174	2,135	1.8%
Tài sản ngắn hạn	1,984	1,934	2.6%
Tiền và tương đương tiền	21.3	21.9	-2.8%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	
Phải thu ngắn hạn	1,040	1,012	2.7%
Hàng tồn kho	909	885	2.6%
Tài sản ngắn hạn khác	14.1	14.1	-0.2%
Tài sản dài hạn	190	201	-5.3%
Phải thu dài hạn	0.65	0.65	0.0%
Tài sản cố định	154	164	-6.3%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	0.38	0.32	21.0%
Đầu tư tài chính dài hạn	33.4	33.9	-1.3%
Tài sản dài hạn khác	1.70	1.76	-3.5%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	1,949	1,917	1.6%
Nợ ngắn hạn	1,920	1,888	1.7%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	951	852	11.6%
Phải trả người bán ngắn hạn	941	996	-5.5%
Nợ dài hạn	29.2	29.2	-0.1%
Vay và nợ thuê dài hạn	29.0	29.0	0.0%
Nguồn vốn chủ sở hữu	225	217	3.7%
Vốn chủ sở hữu	225	217	3.7%
Vốn điều lệ	183	183	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Doanh thu thuần	667	973	686	791	767
Giá vốn hàng bán	618	898	641	737	715
Lợi nhuận gộp	49.3	74.6	44.9	54.0	52.4
Doanh thu HĐTC	5.75	9.60	10.3	8.91	9.97
Chi phí TC	11.3	16.7	10.8	16.4	13.1
Chi phí lãi vay	9.63	10.4	10.8	11.0	11.4
LN trong công ty LKLD	-0.20	0.06	-0.20	-0.12	-0.12
Chi phí bán hàng	26.7	43.9	26.6	29.4	30.8
Chi phí QLDN	8.65	16.9	9.88	5.59	10.9
LN thuần từ HĐKD	8.13	6.75	7.76	11.4	7.46
Lợi nhuận khác	-0.11	-0.72	-0.06	0.24	3.94
LN trước thuế	8.01	6.04	7.70	11.6	11.4
Lợi nhuận sau thuế	6.02	2.90	6.08	10.5	9.07
LNST của CĐ cty mẹ	6.02	2.90	6.08	10.5	9.07

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ VNĐ)	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	21.7	17.5	-14.1	-98.6	24.2
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	0.00	-1.02	0.19	5.61	0.30
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-25.4	-7.95	0.59	105	-23.2
Tiền đầu kỳ	20.7	13.6	21.9	8.66	21.2
Lưu chuyển tiền thuần	-3.68	8.55	-13.3	12.5	1.22
Ảnh hưởng tỷ giá	-3.49	-0.05	0.02	0.02	-0.01
Tiền cuối kỳ	13.6	22.1	8.66	21.2	21.3

(Nguồn: fireant.vn)